

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**





**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

C.Đ.  
PH



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Vinh Quang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 30 tháng 07 năm 2021)
	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 30 tháng 07 năm 2021)
Ông Lê Quốc Bảo	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 30 tháng 07 năm 2021)
	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 30 tháng 07 năm 2021)
Ông Đỗ Quang Thịnh	Thành viên
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên
Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2021)
Ông Phạm Văn Thịnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2021)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Dương	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Phạm Thị Minh Huyền	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tiến Hiếu	Thành viên
Ông Vũ Huy Thành	Thành viên

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Quốc Bảo – Tổng Giám đốc Công ty.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:


- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính văn phòng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính văn phòng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Lê Quốc Bảo**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022



Số: 032505/2022/BCKT-iCPA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 6 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kiểm toán đề ngày 25 tháng 03 năm 2021 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Như Phương**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2021-2018-072-01

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**Nguyễn Phương Liên**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 4540-2018-072-01



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>240.429.496.996</b>	<b>18.948.899.613</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.589.765.788</b>	<b>7.370.358.032</b>
1. Tiền	111		1.589.765.788	7.370.358.032
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>232.101.774.576</b>	<b>6.019.569.711</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	17.120.399.245	3.346.251.227
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.694.236	7.508.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	214.968.681.095	2.665.810.484
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>6.705.734.592</b>	<b>5.501.685.492</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.705.734.592	5.501.685.492
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.222.040</b>	<b>57.286.378</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	32.222.040	57.286.378
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>549.119.685.336</b>	<b>10.725.510.146</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.121.534.379</b>	<b>10.680.714.097</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	10.048.451.039	10.548.630.758
- Nguyên giá	222		22.229.353.949	22.229.353.949
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.180.902.910)	(11.680.723.191)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	73.083.340	132.083.339
- Nguyên giá	228		259.500.000	259.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(186.416.660)	(127.416.661)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.290.253.621</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.5	3.290.253.621	-
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.6</b>	<b>480.182.789.800</b>	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		480.182.789.800	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>55.525.107.536</b>	<b>44.796.049</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4	55.525.107.536	44.796.049
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>789.549.182.332</b>	<b>29.674.409.759</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>17.821.286.955</b>	<b>7.763.885.695</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.821.286.955</b>	<b>7.763.885.695</b>
1. Phải trả người bán-ngắn hạn	311	V.10	14.016.938.304	5.886.853.426
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		91.670.600	10.331.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	95.098.532	248.255.216
4. Phải trả người lao động	314		1.294.493.524	1.326.085.671
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		53.000.000	107.181.721
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	2.020.625.620	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		249.460.375	185.178.661
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.13</b>	<b>771.727.895.377</b>	<b>21.910.524.064</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>771.727.895.377</b>	<b>21.910.524.064</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		650.556.798.109	556.798.109
3. Cổ phiếu quỹ	415		(486.000.000)	(486.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		452.079.936	343.998.222
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.205.017.332	1.495.727.733
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm này	421b		1.205.017.332	1.495.727.733
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>789.549.182.332</b>	<b>29.674.409.759</b>

Trần Trung  
Người lập

Nguyễn Hải Đăng  
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bảo  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 03 năm 2022



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		206.997.238.898	178.837.193.363
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.575.102.957	1.883.047.704
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	202.422.135.941	176.954.145.659
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	181.551.153.612	155.389.224.482
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.870.982.329	21.564.921.177
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.543.206.399	11.550.955
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	735.753.582	234.027.953
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		735.753.582	234.027.953
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	15.387.959.795	14.293.728.423
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.132.068.822	5.844.935.294
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		158.406.529	1.203.780.462
11. Thu nhập khác	31		25.756.955	53.784.022
12. Chi phí khác	32		1.097.200	800.364
13. Lợi nhuận khác	40		24.659.755	52.983.658
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		183.066.284	1.256.764.120
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	36.613.257	175.946.977
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		146.453.027	1.080.817.143
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	36	488
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		36	70

Trần Trung  
Người lập


Nguyễn Hải Đăng  
Kế toán trưởng
  
Lê Quốc Bảo  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 03 năm 2022





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	183.066.284	1.256.764.120
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	559.179.718	663.070.425
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(891.660.261)	(11.550.955)
Chi phí lãi vay	06	735.753.582	234.027.953
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	586.339.323	2.142.311.543
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(13.831.290.527)	(1.414.525.050)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.204.049.100)	2.533.541.495
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	4.530.574.025	2.242.135.661
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(55.480.311.487)	(44.796.049)
Tiền lãi vay đã trả	14	(735.753.582)	(234.027.953)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(105.946.977)	(235.191.258)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(43.800.000)	(216.000.000)
<b>II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(66.284.238.325)</b>	<b>4.773.448.389</b>
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(449.024.875)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(270.577.050.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	59.228.250.000	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(480.182.789.800)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.610.261	11.550.955
<b>III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(691.516.979.539)</b>	<b>(437.473.920)</b>
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	750.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	45.588.732.546	21.081.257.550
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(43.568.106.926)	(21.081.257.550)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(398.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>752.020.625.620</b>	<b>(398.800.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>(5.780.592.244)</b>	<b>3.937.174.469</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>7.370.358.032</b>	<b>3.433.183.563</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>1.589.765.788</b>	<b>7.370.358.032</b>

  
Trần Trung  
Người lập

  
Nguyễn Hải Đăng  
Kế toán trưởng

  
  
 Lê Quốc Bảo  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 25 tháng 03 năm 2022



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH MTV Sách - Thiết bị và Xây dựng Trường học Hà Nội, chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4293/QĐ-UBND ngày 27 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hiện nay hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100110302 ngày 11 tháng 01 năm 2011, thay đổi lần thứ 8 ngày 29 tháng 11 năm 2021.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh sách, báo, và các ấn phẩm, văn phòng phẩm.

**3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh sách, báo, ấn phẩm, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh các thiết bị điện tử, công nghệ thông tin;
- Kinh doanh các đồ dùng gia đình, đồ dùng học sinh; và
- Xây dựng cơ sở vật chất trường học, cung cấp lắp đặt các thiết bị, đồ dùng dụng cụ dạy và học.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số công trình xây dựng cơ sở vật chất, lắp đặt các thiết bị có thời gian trên 12 tháng.

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác.

**6. Nhân viên**

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 61 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 65 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc và thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là các website, chương trình phần mềm. Các tài sản cố định vô hình này được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích. Thời gian sử dụng hữu ích của các tài sản này từ 3 - 5 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm, các chi phí trả trước khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm kế toán bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ kế toán trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ kế toán phát sinh.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

*Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:*

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty/Doanh nghiệp tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

*Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:*

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	322.588.599	239.208.711
Tiền gửi ngân hàng	1.267.177.189	7.131.149.321
<b>Cộng</b>	<b>1.589.765.788</b>	<b>7.370.358.032</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phòng giáo dục và đào tạo Huyện Mê Linh	1.127.801.726	-
Phòng Giáo dục và đào tạo Đông Anh	2.925.243.320	-
Phòng Giáo dục và đào tạo Quận Long Biên	5.513.461.179	145.000.172
Sở giáo dục và đào tạo Hà Nội	2.493.137.992	-
Sở giáo dục và đào tạo Hà Nội - Tiểu học	1.095.941.074	752.823.400
Sở giáo dục và đào tạo Hà Nội - Phòng THPT- Hồ sơ sổ sách	522.131.500	345.995.000
Công ty CP Sách thiết bị giáo dục Hà Thành	-	349.526.856
Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	3.442.682.454	1.752.905.799
<b>Cộng</b>	<b>17.120.399.245</b>	<b>3.346.251.227</b>

**3. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Ông Trần Nam Trung (i)	100.000.000.000	-
Ông Phạm Ngọc Duy (ii)	111.348.800.000	-
Tạm ứng	22.000.000	22.000.000
Ký cược, ký quỹ	108.847.875	318.246.200
Phải thu ngắn hạn khác	3.489.033.220	2.325.564.284
<b>Cộng</b>	<b>214.968.681.095</b>	<b>2.665.810.484</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**3. Phải thu ngắn hạn khác (Tiếp theo)**

(i) Khoản đặt cọc cho ông Trần Nam Trung theo hợp đồng đặt cọc số 100/2021/HĐĐC/HABOOK-TNT, hai bên phối hợp với nhau nhằm thực hiện công tác giải phóng mặt bằng tại số 2 Cửa Bắc và 67 Phố Đức Chính, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Phạm vi công việc: Lập phương án di dời, hỗ trợ đền bù và giải phóng mặt bằng dựa trên các nguyên tắc hỗ trợ bồi thường theo các quy định hiện hành của UBND thành phố Hà Nội.

Đến nay, công tác giải phóng mặt bằng đang được triển khai đến các hộ dân và có các biên bản làm việc cụ thể với từng hộ dân về việc đồng ý di dời và bàn giao lại mặt bằng sau khi thỏa thuận và nhận được tiền đền bù phù hợp.

(ii) Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 101/2021/HTKD/HABOOK-PND ngày 4 tháng 11 năm 2021 với ông Phạm Ngọc Duy để tìm kiếm phương án đầu tư, thời gian dự kiến hợp tác giữa các bên là 06 tháng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty ký phụ lục số 192/2021/PLHĐ/HABOOK-PND, điều chỉnh số vốn hợp tác của Công ty xuống còn 52.154.000.000 đồng. Đến ngày 12 tháng 01 năm 2022, số dư khoản hợp tác đầu tư này là 52.154.000.000 đồng.

**4. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền thuê đất	55.372.698.647	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	152.408.889	44.796.049
<b>Cộng</b>	<b>55.525.107.536</b>	<b>44.796.049</b>

**5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án 45B Lý Thường Kiệt	3.290.253.621	-
<b>Cộng</b>	<b>3.290.253.621</b>	-

**6. Đầu tư tài chính**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Khoản đầu tư vào Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - CTCP với số tiền 480.182.789.800 đồng, tương ứng số cổ phần là 29.825.018 và tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết là 17,13%.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại 31/12/2021 do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ NỘI**Số 45B Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	6.705.734.592	-	5.501.685.492	-
<b>Cộng</b>	<b>6.705.734.592</b>	<b>-</b>	<b>5.501.685.492</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, toàn bộ hàng tồn kho đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	20.083.001.404	1.984.518.545	161.834.000	22.229.353.949
Số dư cuối năm	20.083.001.404	1.984.518.545	161.834.000	22.229.353.949
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	9.756.015.951	1.789.557.269	135.149.971	11.680.723.191
Khấu hao trong năm	413.845.406	64.987.091	21.347.222	500.179.719
Số dư cuối năm	10.169.861.357	1.854.544.360	156.497.193	12.180.902.910
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	10.326.985.453	194.961.276	26.684.029	10.548.630.758
Tại ngày cuối năm	9.913.140.047	129.974.185	5.336.807	10.048.451.039

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.935.585.665 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.792.302.847 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ NỘI**Số 45B Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. Tài sản cố định vô hình**

	Phân mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	259.500.000	259.500.000
Số dư cuối năm	259.500.000	259.500.000
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	127.416.661	127.416.661
Khấu hao trong năm	58.999.999	58.999.999
Số dư cuối năm	186.416.660	186.416.660
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu năm	132.083.339	132.083.339
Số dư cuối năm	73.083.340	73.083.340

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 30.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 30.000.000 đồng).

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH in và thương mại Trường Xuân	1.848.593.688	1.848.593.688	271.857.142	271.857.142
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	834.551.478	834.551.478	556.347.603	556.347.603
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội	2.815.650.491	2.815.650.491	-	-
Công ty TNHH in Thanh Bình	1.315.701.503	1.315.701.503	286.113.001	286.113.001
Công ty CP đầu tư và xuất bản giáo dục	592.883.080	592.883.080	427.213.200	427.213.200
Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kỹ Thuật Thái Nam	742.749.108	742.749.108	268.989.600	268.989.600
Công ty TNHH Phát Hành Sách Cánh Diều	1.163.725.440	1.163.725.440	-	-
Phải trả người bán khác	4.703.083.516	4.703.083.516	4.076.332.880	4.076.332.880
<b>Cộng</b>	<b>14.016.938.304</b>	<b>14.016.938.304</b>	<b>5.886.853.426</b>	<b>5.886.853.426</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ NỘI**Số 45B Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp/Bù trừ trong năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ	-	57.286.378	-	57.286.378
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.222.040	-	32.222.040	-
<b>Cộng</b>	<b>32.222.040</b>	<b>57.286.378</b>	<b>32.222.040</b>	<b>57.286.378</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	49.517.220	1.165.851.388	1.116.334.168	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	36.613.257	73.724.937	37.111.680
Thuế thu nhập cá nhân	45.581.312	191.540.652	246.343.899	100.384.559
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	62.598.353.674	62.709.112.651	110.758.977
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	28.084.400	28.084.400	-
<b>Cộng</b>	<b>95.098.532</b>	<b>64.020.443.371</b>	<b>64.173.600.055</b>	<b>248.255.216</b>

**12. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>2.020.625.620</b>	<b>2.020.625.620</b>	<b>45.588.732.546</b>	<b>43.568.106.926</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (i)	2.020.625.620	2.020.625.620	45.588.732.546	43.568.106.926	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.020.625.620</b>	<b>2.020.625.620</b>	<b>45.588.732.546</b>	<b>43.568.106.926</b>	-	-

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội theo hợp đồng hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT106-STBHN ngày 01 tháng 07 năm 2021, hợp đồng thế chấp số 01/2017-HĐTCQTS/NHCT106-HABOOK., JSC ngày 07 tháng 06 năm 2017, hạn mức vay là 30 tỷ đồng. Thời gian của hạn mức vay đến hết ngày 01 tháng 07 năm 2022. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay đã được tất toán vào ngày 13 tháng 1 năm 2022.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ NỘI**Số 45B Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo,  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****12. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Tài sản đảm bảo của khoản vay là toàn bộ hàng hóa và hàng tồn kho hình thành từ vốn vay và hàng tồn kho luân chuyển thuộc quyền sở hữu của Công ty được giữ tại các kho Số 45B Lý Thường Kiệt và Số 2 Cửa Bắc và/hoặc các kho hàng khác của Công ty cũng như các quyền liên quan đến tài sản này; Các tài sản gắn liền với thửa đất đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai hiện hữu tại địa chỉ số 45B Lý Thường Kiệt; số 2 Cửa Bắc và số 67 Phố Đức Chính.

**13. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp chủ sở hữu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>556.798.109</b>	<b>(486.000.000)</b>	<b>274.656.798</b>	<b>1.269.184.863</b>	<b>21.614.639.770</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.080.817.143	1.080.817.143
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	69.341.424	(69.341.424)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(69.341.424)	(69.341.424)
Khoản truy thu và phạt thuế theo biên bản kiểm tra thuế	-	-	-	-	(100.791.425)	(100.791.425)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(398.800.000)	(398.800.000)
Thù lao HĐQT, thành viên BKS không thường trực (i)	-	-	-	-	(216.000.000)	(216.000.000)
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>556.798.109</b>	<b>(486.000.000)</b>	<b>343.998.222</b>	<b>1.495.727.733</b>	<b>21.910.524.064</b>
Vốn góp tăng trong năm (i)	100.000.000.000	650.000.000.000	-	-	-	750.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	146.453.027	146.453.027
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	-	-	108.081.714	(108.081.714)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 (ii)	-	-	-	-	(108.081.714)	(108.081.714)
Thù lao HĐQT, thành viên BKS không thường trực (iii)	-	-	-	-	(221.000.000)	(221.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>650.556.798.109</b>	<b>(486.000.000)</b>	<b>452.079.936</b>	<b>1.205.017.332</b>	<b>771.727.895.377</b>

- (i) Trong năm 2021, Công ty thực hiện chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 100/NQ-HABOOK-HĐQT ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội về việc thông qua kết quả đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và thực hiện phân phối cổ phiếu HAB, Công ty chào bán thành công 10.000.000 cổ phần và thu được số tiền góp vốn là: 750.000.000.000 đồng. Chi tiết tăng vốn đã kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán số 120901/2021/BCKT-iCPA ngày 09 tháng 12 năm 2021.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

- (ii) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 56/NQ-HABOOK-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 06 năm 2021 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020. Cụ thể:

Trích lập quỹ Đầu tư phát triển	108.081.714 đồng
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	108.081.714 đồng
Chi trả thù lao HĐQT, BKS (đã tạm trích năm 2020)	221.000.000 đồng
<b>Cộng</b>	<b>432.163.428 đồng</b>

- (iii) Công ty đã tạm trích thù lao HĐQT và BKS năm 2021 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 56/NQ-HABOOK-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 06 năm 2021.

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu của Công ty**

	Tỷ lệ %	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND
Ông Đỗ Ngọc Khanh	31,13%	37.350.140.000	31,05%	6.209.500.000
Công ty CP Tập đoàn T&T	28,62%	34.342.640.000	28,55%	5.709.500.000
Ông Đỗ Ngọc Bính	18,84%	22.610.560.000	0,00%	-
Ông Hoàng Anh Tuấn	0,00%	-	8,00%	1.600.000.000
Các cổ đông khác	21,41%	25.696.660.000	32,41%	6.481.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>20.000.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	6.000	6.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000	6.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**14. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý****Bộ phận Theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 02 (hai) bộ phận hoạt động: Hoạt động bán hàng hóa và Hoạt động xây lắp công trình và lắp đặt các thiết bị trường học.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận bán hàng	- bán sách, báo, văn phòng phẩm và các thiết bị, dụng cụ trường học
Bộ phận xây lắp	- xây lắp công trình và lắp đặt các thiết bị trường học

Trong năm 2020 và năm 2021, Công ty chỉ có duy nhất hoạt động bán hàng hóa.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****14. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Toàn bộ doanh thu của Công ty đều phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	206.997.238.898	178.837.193.363
<b>Cộng</b>	<b>206.997.238.898</b>	<b>178.837.193.363</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>4.575.102.957</b>	<b>1.883.047.704</b>
Hàng bán bị trả lại	4.364.324.643	1.883.047.704
Chiết khấu thương mại	210.778.314	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>202.422.135.941</b>	<b>176.954.145.659</b>

**2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	181.551.153.612	155.389.224.482
<b>Cộng</b>	<b>181.551.153.612</b>	<b>155.389.224.482</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	14.610.261	11.550.955
Chiết khấu thanh toán	651.546.138	-
Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	877.050.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.543.206.399</b>	<b>11.550.955</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	735.753.582	234.027.953
<b>Cộng</b>	<b>735.753.582</b>	<b>234.027.953</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí công cụ, đồ dùng	137.156.477	253.354.099
Chi phí nhân công	6.036.811.974	6.433.706.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	416.716.387	472.387.896
Thuế, phí, lệ phí	2.705.323.234	2.504.637.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.143.602.487	3.481.114.741
Chi phí khác bằng tiền	1.948.349.236	1.148.527.617
<b>Cộng</b>	<b>15.387.959.795</b>	<b>14.293.728.423</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	3.155.333.546	2.876.555.870
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142.463.331	190.682.529
Thuế, phí, lệ phí	937.049.553	863.963.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	880.998.599	941.058.334
Chi phí khác bằng tiền	1.016.223.793	972.674.889
<b>Cộng</b>	<b>6.132.068.822</b>	<b>5.844.935.294</b>

**7. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế của Công ty	183.066.284	1.256.764.120
Thu nhập chịu thuế TNDN	183.066.284	1.256.764.120
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ</b>	<b>36.613.256</b>	<b>251.352.824</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	36.613.256	251.352.824
- Chi phí thuế được giảm trong năm theo nghị định 114/NĐ-CP/2020	-	(75.405.847)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>36.613.256</b>	<b>175.946.977</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	8.525.514.852	9.310.262.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	559.179.718	663.070.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.802.318.755	7.228.778.109
Chi phí khác bằng tiền	4.274.477.310	5.824.448.789
<b>Cộng</b>	<b>25.161.490.635</b>	<b>23.026.559.147</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>146.453.027</b>	<b>1.080.817.143</b>
Lợi nhuận/(Lỗ) trong năm phân bổ cho các cổ đông sở	146.453.027	1.080.817.143
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (*)	(14.441.488)	(108.081.714)
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.627.269	1.994.000
<b>Lãi cơ bản trên một cổ phiếu</b>	<b>36</b>	<b>488</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.627.269	1.994.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	12.000.000
<b>Lãi suy giảm trên một cổ phiếu</b>	<b>36</b>	<b>70</b>

- (i) Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 56/NQ-HABOOK-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 06 năm 2021.

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thù lao Hội đồng Quản trị</b>	<b>319.000.000</b>	<b>324.000.000</b>
Đỗ Vinh Quang	68.000.000	33.166.667
Lê Quốc Bảo	76.000.000	84.000.000
Đỗ Quang Thịnh	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Diệu Trinh	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Phương Thảo	30.000.000	60.000.000
Phạm Văn Thịnh	25.000.000	-
Phan Mạnh Hòa	-	26.833.333
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>893.820.129</b>	<b>792.678.976</b>
Lê Quốc Bảo	361.287.260	317.961.895
Đỗ Quang Thịnh	306.123.479	271.000.891
Vũ Xuân Dương	226.409.390	203.716.190
<b>Thù lao Ban kiểm soát</b>	<b>132.000.000</b>	<b>132.000.000</b>
Phạm Thị Minh Huyền	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Tiến Hiếu	36.000.000	36.000.000
Vũ Huy Thành	36.000.000	36.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Cam kết hoạt động**

Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất tại các địa chỉ như sau:

- Hợp đồng thuê đất tại số 2 Cửa Bắc để sử dụng với mục đích sử dụng làm văn phòng làm việc, cơ sở kinh doanh. Hợp đồng này đã hết hạn và đang trong quá trình làm thủ tục ký gia hạn. Theo đó, Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo tạm tính của cơ quan thuế.
- Hợp đồng thuê đất số 45B Lý Thường Kiệt để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc, cơ sở kinh doanh. Công ty đang tiến hành nộp tiền thuê đất 1 lần cho toàn bộ thời gian thuê còn lại theo Thông báo số 0173/CCTHK-TBTK ngày 15 tháng 11 năm 2021.

**3. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

Trần Trung  
Người lập

Nguyễn Hải Đăng  
Kê toán trưởng



Lê Quốc Bảo  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 03 năm 2022